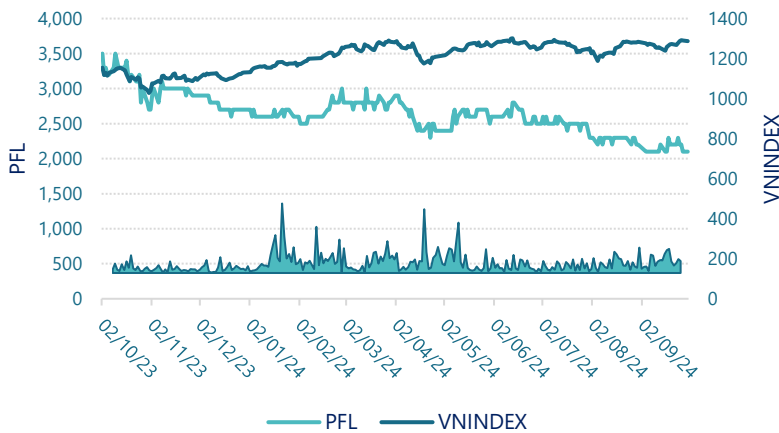




CTCP Dầu khí Đông Đô (UPCOM: PFL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	2,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,100
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	81,845
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	105
P/E	-60.0
EPS	-35

DT thuần
Q3/24

11.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.13 | 37.3%

YoY: ▲ 3.73 | 47.9%

LN sau thuế
Q3/24

0.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.55 | -97.1%

YoY: ▲ 0.67 | 108%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24

0.4%

+/- YoY: ▲ 8.0%

DT thuần
9T 2024

20.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.80 | 15.5%

LN sau thuế
9T 2024

0.46

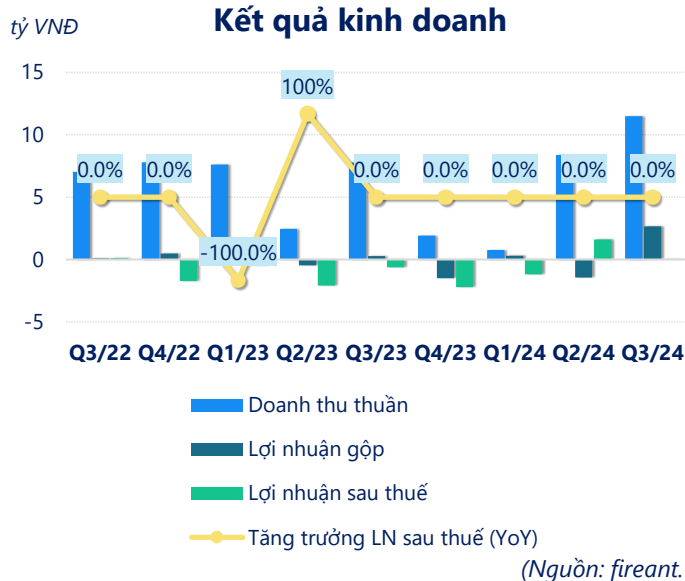
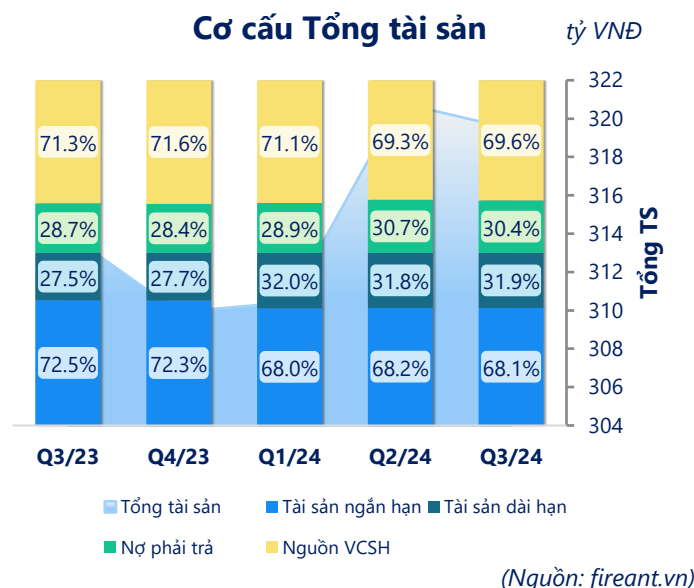
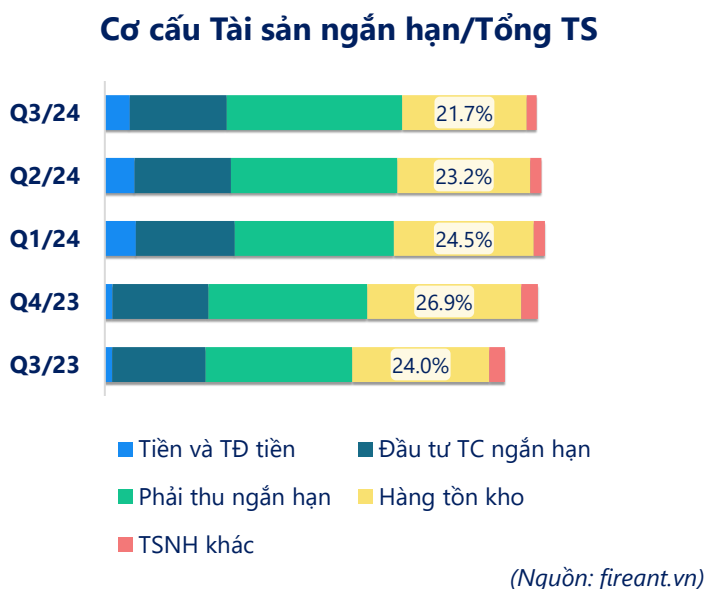
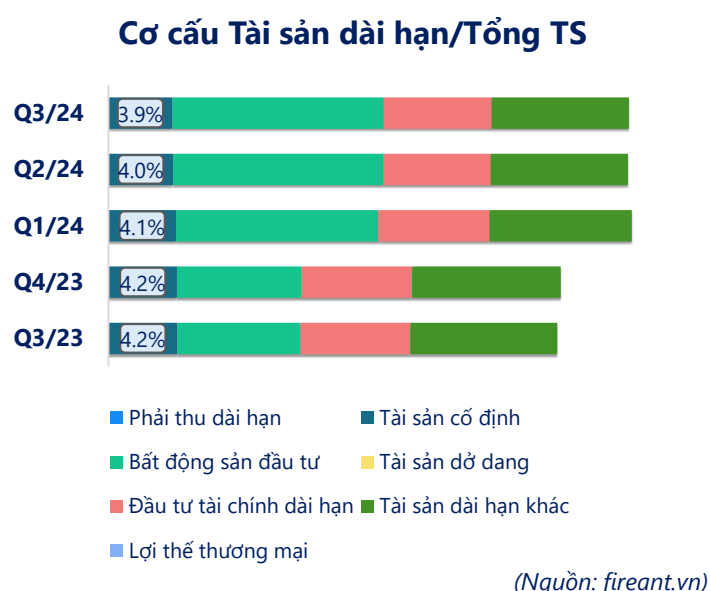
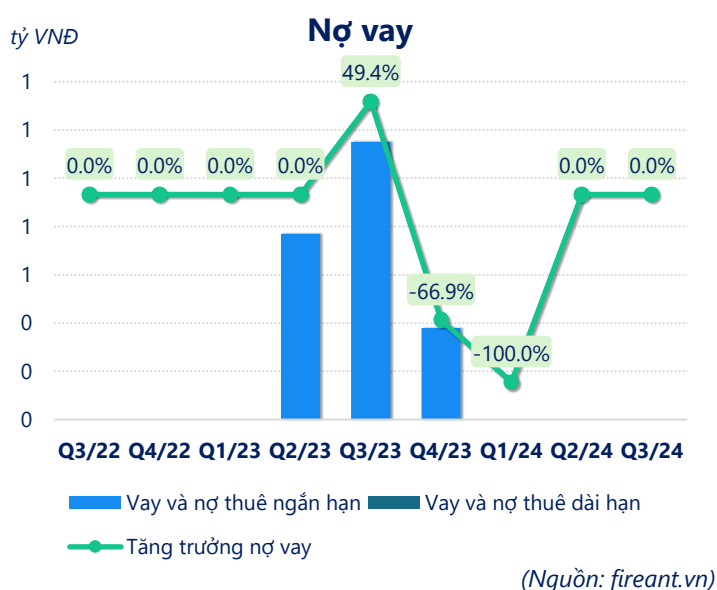
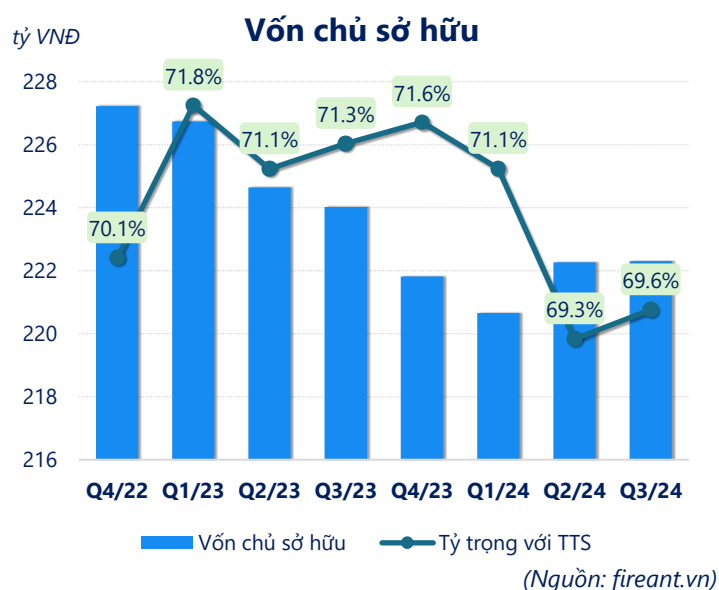
tỷ VNĐ

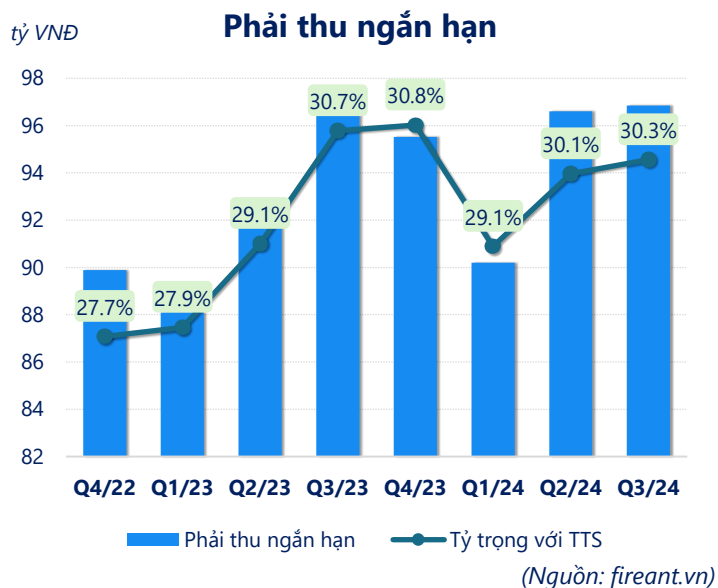
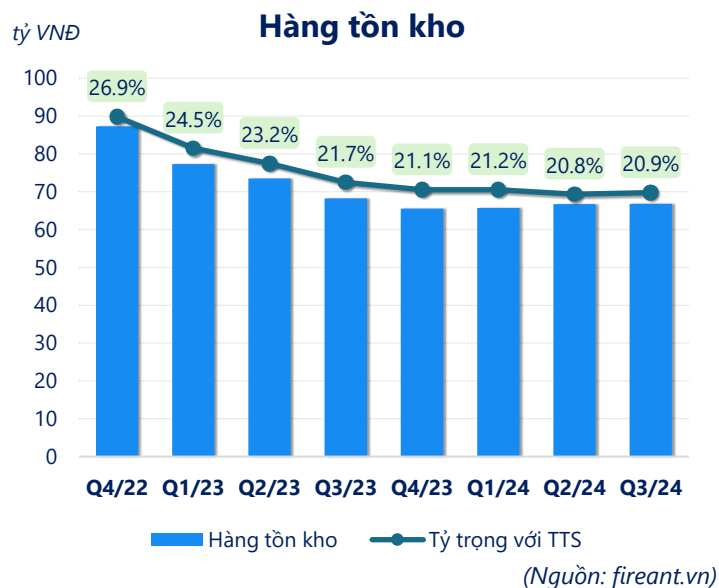
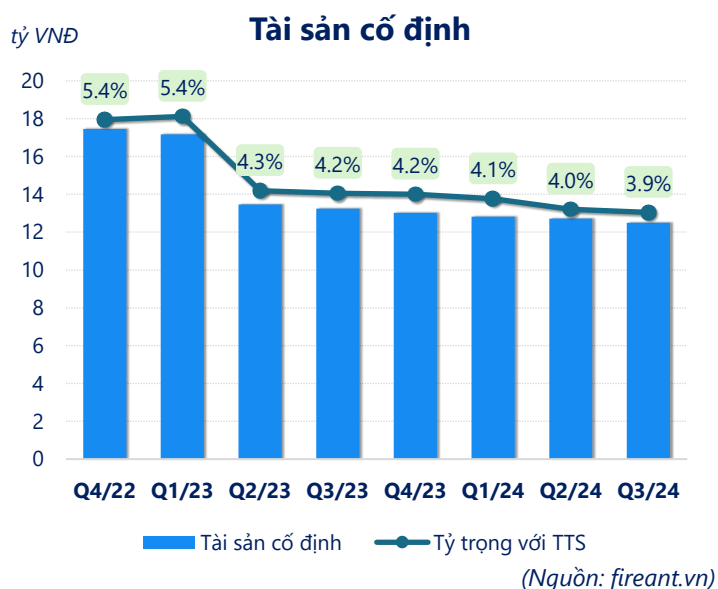
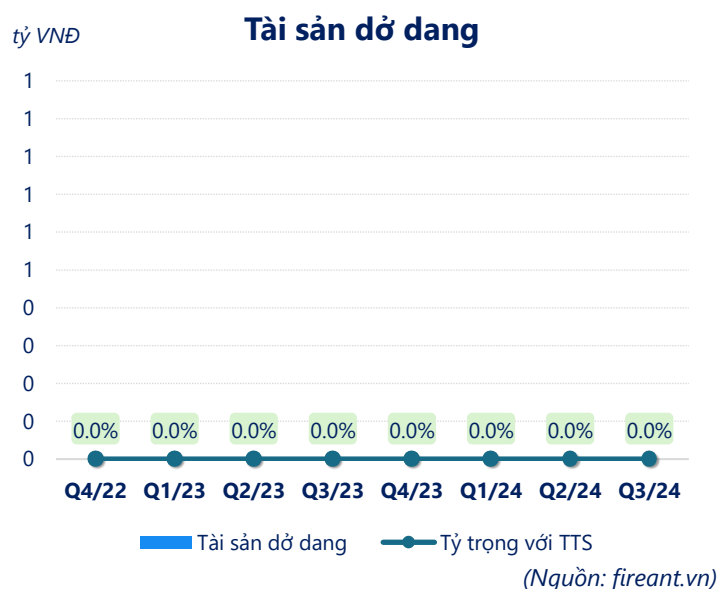
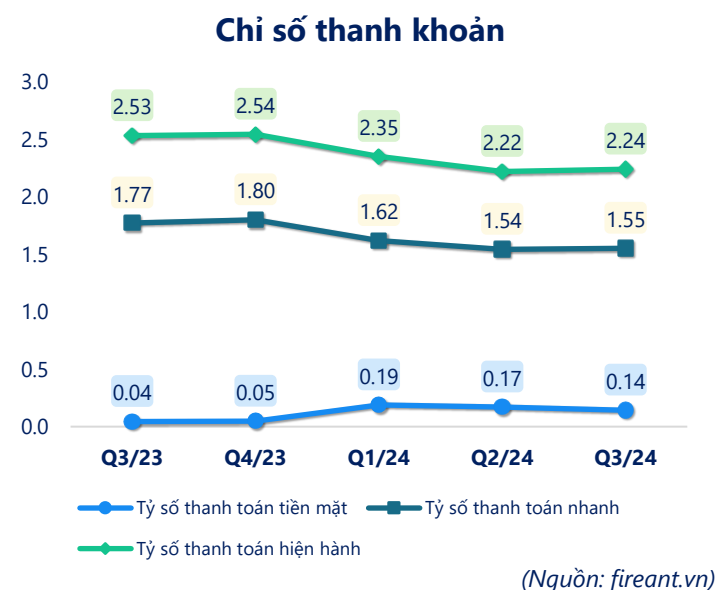
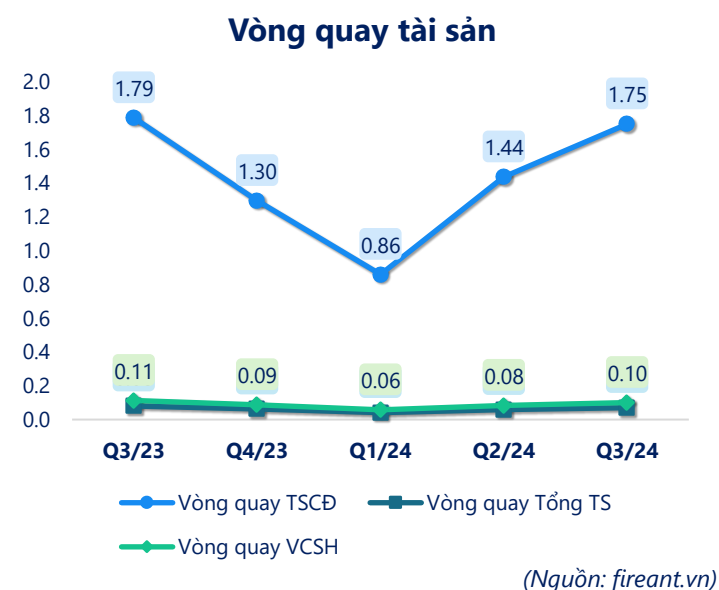
YoY: ▲ 3.66 | 114%

ROE
Q3/24

-0.8%

+/- YoY: ▲ 1.4%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	314	310	310	321	319
Tài sản ngắn hạn	228	224	211	219	218
Tiền và tương đương tiền	3.99	4.11	16.9	16.8	13.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.3	53.3	31.0	31.0	32.4
Phải thu ngắn hạn	96.5	95.5	90.2	96.6	96.8
Hàng tồn kho	68.3	65.5	65.7	66.8	66.8
Tài sản ngắn hạn khác	5.60	5.60	7.10	7.57	7.59
Tài sản dài hạn	86.3	85.9	99.5	102	102
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	13.2	13.0	12.8	12.7	12.5
Bất động sản đầu tư	23.7	23.6	38.5	41.3	41.4
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	21.1	21.1	21.1	21.1	21.1
Tài sản dài hạn khác	28.3	28.2	27.1	27.0	26.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	90.0	88.1	89.8	98.6	97.2
Nợ ngắn hạn	90.0	88.1	89.8	98.6	97.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.15	0.38	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	27.3	26.3	27.8	30.7	30.9
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	224	222	221	222	222
Vốn chủ sở hữu	224	222	221	222	222
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)